

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Số: 33 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời phân công, phân cấp quản lý
dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND
năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về
quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về
quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy
định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về
đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ Quy
định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương;

Căn cứ các Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và số
164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công
nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ các Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ
về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà
nước;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 796/TT-SXD ngày
28/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tạm thời phân công,
phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế
Quyết định số 137/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành

Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, KH&ĐT, Tư pháp (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh, Toà án Nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN.XDCB, NNTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
Phân công, phân cấp quản lý dự án
đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng điều chỉnh: Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Phạm vi áp dụng: Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, gồm các khâu: Thẩm định chủ trương đầu tư; thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; cấp giấy phép xây dựng; tổ chức quản lý dự án, giám sát đầu tư và quyết toán dự án.

Điều 3. Quy định viết tắt và giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ được giải thích và viết tắt như sau:

1. Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư là Hội đồng được thành lập ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và gọi tắt là Hội đồng.

2. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT;

3. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và BCKTKT gọi chung là dự án;

4. Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán thiết kế viết tắt là TKCS, TKKT, TKBVTC, DT;

5. Quy hoạch xây dựng viết tắt là QHXD;

6. Quản lý dự án viết tắt là QLDA; đầu tư xây dựng viết tắt là ĐTXD;

7. Giấy phép xây dựng viết tắt là GPXD;

8. Hội đồng nhân dân viết tắt là HĐND;

9. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND;

10. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố gọi chung là Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện và viết tắt là Phòng QLXD; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố gọi chung là Phòng Quản lý chuyên ngành cấp huyện và viết tắt là Phòng QLCN.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Điều 4. Chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

1. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư

a) Hội đồng cấp tỉnh do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực; Giám đốc Sở Tài Chính làm Phó Chủ tịch; Ủy viên Hội đồng gồm thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, sở chuyên ngành có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Hội đồng cấp huyện do Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch; trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên Hội đồng gồm thủ trưởng các cơ quan: Phòng QLXD, Phòng QLCN, các phòng liên quan (nếu cần), Chủ tịch UBND cấp xã nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c) Hội đồng cấp xã do Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch; Công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên Thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm: Văn phòng HĐND, UBND, công chức địa chính - xây dựng, công chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp tỉnh quản lý

a) Hội đồng cấp tỉnh thực hiện công tác thẩm định đối với: Dự án nhóm A; dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định đối với các dự án còn lại.

3. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp huyện quản lý

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý;

b) Hội đồng cấp huyện thực hiện công tác thẩm định đối với các dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định đối với các dự án còn lại.

4. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp xã quản lý

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý;

b) Hội đồng cấp xã thực hiện công tác thẩm định đối với các dự án còn lại.

5. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 5. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách thực hiện như sau:

1. Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

a) Ban QLDA Giao thông là Ban QLDA chuyên ngành giao thông, làm chủ đầu tư các dự án do Sở Giao thông Vận tải được giao quản lý nhà nước;

b) Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ban QLDA chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, làm chủ đầu tư các dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao quản lý nhà nước;

c) Ban QLDA Y tế là Ban QLDA chuyên ngành dân dụng, làm chủ đầu tư các dự án về y tế;

d) Ban QLDA Giáo dục là Ban QLDA chuyên ngành dân dụng, làm chủ đầu tư các dự án về giáo dục đào tạo;

đ) Các dự án xây dựng công trình quốc phòng, an ninh do cơ quan quốc phòng, an ninh theo phân cấp làm chủ đầu tư;

e) Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị là Ban QLDA chuyên ngành dân dụng và công nghiệp, làm chủ đầu tư các dự án còn lại.

2. Dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Ban QLDA cấp huyện làm chủ đầu tư.

3. Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp xã, dự án có sự đóng góp của cộng đồng, dự án thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới thì chủ đầu tư là UBND cấp xã. Đối với dự án có quy mô nhóm B và trong một số trường hợp cụ thể, Chủ tịch UBND huyện giao Ban QLDA cấp huyện làm chủ đầu tư.

4. Dự án đầu tư mới có quy mô nhỏ (dưới 5 tỷ đồng); dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình; dự án có sự tham gia đóng góp của cộng đồng: Đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn làm chủ đầu tư.

5. Trong một số trường hợp cụ thể, người quyết định đầu tư giao cho đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn làm chủ đầu tư. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải thuê các Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 64 Nghị định 59/2015/NĐ-CP thực hiện công tác QLDA.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Dự án nhóm A do cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định.

b) Dự án nhóm B, C do các cơ quan sau đây làm đầu mối thẩm định:

- Sở Xây dựng với các dự án công trình dân dụng, công nghiệp nhẹ ngoài khu công nghiệp tập trung, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông trong đô thị và các công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;

- Sở Giao thông Vận tải với các dự án công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các dự án công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công thương với các dự án công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành ngoài khu công nghiệp tập trung;

- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các dự án công trình trong khu công nghiệp tập trung (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Sở Thông tin và Truyền thông với các dự án thuộc lĩnh vực thông tin liên lạc, điện tử, tin học.

Đối với dự án chỉ cần lập BCKTKT (theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định 59/2015/NĐ-CP), Sở Tài chính tổ chức thẩm định dự toán phần tài sản, trang thiết bị được mua cùng dự án (trừ thiết bị công trình và thiết bị công nghệ).

Đối với dự án có nội dung thuộc lĩnh vực thông tin liên lạc, điện tử, tin học, cơ quan đầu mối thẩm định dự án xin ý kiến tham gia của Sở Thông tin và Truyền thông về phần công nghệ thông tin.

Phân loại công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

c) Dự án chỉ cần lập BCKTKT (theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định 59/2015/NĐ-CP) do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, giao Phòng QLCN thẩm định các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phòng QLXD thẩm định các dự án còn lại.

2. Dự án sử dụng vốn khác

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định TKCS của dự án ĐTXD công trình cấp I trở lên.

b) Ngoài các công trình quy định tại Khoản a Điều này, các cơ quan nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này thẩm định TKCS đối với công trình công cộng và các công trình:

- Có ảnh hưởng lớn đến an toàn của cộng đồng quy định tại Phụ lục II, Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

- Có ảnh hưởng lớn đến môi trường quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan kiến trúc được quy định tại Khoản 1 Điều 10 quy định này.

c) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định dự án, bao gồm thẩm định thiết kế công nghệ và các nội dung khác của dự án.

3. Dự án thực hiện theo các hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định; các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này thẩm định TKCS.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt dự án

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt:

- Các dự án nhóm A, B, C thuộc ngân sách cấp tỉnh;
- Dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã trong đó có sử dụng một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh;
- Dự án nhóm A thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã.

b) Ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 phê duyệt BCKTKT có tổng mức đầu tư đến dưới 15 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt các dự án:

- Dự án nhóm B, C thuộc ngân sách cấp huyện;
- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp huyện, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;
- Dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;
- Dự án nhóm B, C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp xã không có hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

d) Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt các dự án

- Dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã.
- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

2. Dự án sử dụng các nguồn vốn khác

a) Chủ sở hữu vốn hoặc đại diện chủ sở hữu vốn phê duyệt dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau, các bên góp vốn tự thỏa thuận cử ra người đại diện phê duyệt dự án.

Điều 8. Một số quy định trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án

1. Trong trường hợp dự án gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan đầu mối thẩm định dự án là cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định đối với công trình, hạng mục công trình chính, có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị các sở quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6, và các phòng cấp huyện quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Quy định này thẩm định thiết kế đối với từng công trình, hạng mục công trình.

2. Đối với những nơi chưa có QHXD được duyệt hoặc chưa được cấp giấy phép quy hoạch, ngoài các dự án được Sở Xây dựng hoặc Phòng QLXD cấp huyện thẩm định dự án hoặc TKCS, cơ quan đầu mối thẩm định dự án phải gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng QLXD (đối với công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã) hoặc Sở Xây dựng (đối với các công trình còn lại) để cho ý kiến về sự phù hợp với QHXD.

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung dự án

1. Cơ quan nào có thẩm quyền phê duyệt dự án thì có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đó.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách mà tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung vượt thẩm quyền thẩm định, phê duyệt ban đầu, chủ đầu tư phải lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền tại Điều 6 Quy định này để tổ chức thẩm định dự án; trình người có thẩm quyền tại Điều 7 Quy định này phê duyệt dự án. Trong một số trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền tại Điều 7 Quy định này có thể ủy quyền cho người quyết định đầu tư ban đầu phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án.

3. Chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách được tự điều chỉnh dự án nếu không làm tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, những trường hợp cụ thể như sau:

- a) Điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư;
- b) Điều chỉnh, thay đổi giải pháp thiết kế mà không làm thay đổi quy hoạch, mục tiêu, quy mô, công năng, giải pháp thiết kế chính nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng, tiến độ.

Điều 10. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Các công trình phải thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc

Tại các đô thị huyện lỵ, tỉnh lỵ và các khu chức năng ngoài đô thị đã có QHXD, các công trình sau đây (không phân biệt nguồn vốn và hình thức sở hữu), trước khi lập dự án, chủ đầu tư phải tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc, đáp ứng yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- a) Công trình công cộng: Trung tâm phát thanh truyền hình; trung tâm thương mại; khách sạn; tượng đài; công trình biểu tượng về truyền thống văn hoá, lịch sử của địa phương; các công trình công cộng khác có quy mô cấp II trở lên;
- b) Nhà văn hoá, thể thao, trụ sở UBND, trụ sở cơ quan Đảng cấp huyện, cấp tỉnh; trụ sở các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- c) Công trình từ 9 tầng trở lên;
- d) Công trình được xây dựng tại những vị trí có ảnh hưởng lớn đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị: Công trình nằm trên các trục đường cấp đô thị (mặt cắt đường từ 22,5m trở lên); liền kề với công trình nêu tại các điểm a, b, c khoản 1, điều này; công trình giao thông đô thị có yêu cầu thẩm mỹ cao.

2. Hình thức áp dụng

a) Áp dụng hình thức thi tuyển thiết kế kiến trúc đối với các công trình công cộng có quy mô cấp I trở lên; công trình biểu tượng về truyền thống văn hoá, lịch sử của địa phương; các công trình đặt tại các vị trí đặc biệt theo yêu cầu về quản lý kiến trúc đô thị của Sở Xây dựng.

b) Áp dụng hình thức tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc đối với các công trình còn lại.

c) Không bắt buộc áp dụng đối với công trình có quy mô cấp IV.

d) Khuyến khích việc thi tuyển thiết kế kiến trúc hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

3. Sau khi có kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc, chủ đầu tư lập báo cáo công tác thi tuyển hoặc tuyển chọn, trình Sở Xây dựng chấp thuận kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc.

4. Sau khi có văn bản của Sở Xây dựng chấp thuận kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc, chủ đầu tư tổng hợp, trình người quyết định đầu tư phê duyệt kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định.

Mục 2 **THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Điều 11. Hình thức quản lý dự án

1. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức QLDA theo quy định tại Điều 62 Luật Xây dựng và Mục 2 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

2. Các dự án theo Chương trình xây dựng nông thôn mới giao cho Ban QLDA xây dựng cấp huyện thực hiện công tác QLDA.

3. Đối với dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư, chủ đầu tư phải thuê các Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA khu vực thực hiện công tác QLDA.

Điều 12. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán

1. Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước:

- Đối với công trình cấp I trở lên thực hiện thẩm định theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định; thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này phê duyệt;

- Đối với các công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này tổ chức thẩm định, phê duyệt.

- Đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã: Các phòng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Quy định này tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

- Đối với phần tài sản, trang thiết bị được mua cùng dự án (trừ thiết bị công trình và thiết bị công nghệ): Giám đốc Sở Tài chính thẩm định, phê duyệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh; Phòng

Tài chính Kế hoạch thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

b) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt TKBVTC trong trường hợp thiết kế ba bước.

2. Công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, công trình ĐTXD theo hình thức PPP:

a) Thẩm quyền thẩm định TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước (trừ thiết kế công nghệ) thực hiện như sau:

- Đối với công trình cấp I trở lên thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định;

- Đối với các công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này tổ chức thẩm định.

- Đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã: Các phòng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Quy định này thẩm định;

b) Thẩm quyền phê duyệt

- Đối với TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước: Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này phê duyệt đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước.

- Chủ đầu tư phê duyệt TKBVTC, DT cho các trường hợp còn lại.

3. Công trình sử dụng vốn khác

a) Thẩm quyền thẩm định TKKT trong trường hợp thiết kế ba bước, TKBVTC trong trường hợp thiết kế hai bước:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với công trình cấp I trở lên.

- Các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 thẩm định đối với các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 6.

b) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với các công trình xây dựng còn lại;

c) Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán.

Điều 13. Cấp giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp GPXD

a) Bộ Xây dựng cấp GPXD cho công trình cấp đặc biệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 103 Luật Xây dựng.

b) UBND tỉnh uỷ quyền:

- Sở Xây dựng cấp GPXD các công trình cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở ngoài khu công nghiệp tập trung.

- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp GPXD công trình trong khu công nghiệp tập trung; đối với công trình cấp I trước khi cấp GPXD phải lấy ý kiến tham gia của Sở Xây dựng bằng văn bản.

c) UBND cấp huyện cấp GPXD cho nhà ở riêng lẻ và các công trình còn lại.

Đối với công trình dân dụng và nhà ở riêng lẻ theo các trục đường cấp đô thị có mặt cắt ngang trung bình từ 22,5m trở lên, giáp các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liền kề các khu bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, khu du lịch ở những nơi chưa có quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị; nhà ở riêng lẻ có chiều cao từ 6 tầng trở lên, trước khi UBND cấp huyện cấp GPXD phải lấy ý kiến của Sở Xây dựng bằng văn bản.

d) Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi GPXD do mình cấp.

2. Giấy phép xây dựng có thời hạn: Công trình được cấp GPXD có thời hạn là công trình kết cấu đơn giản, tối đa 02 tầng, có diện tích xây dựng dưới 500m² đối với công trình hoặc dưới 80m² đối với nhà ở riêng lẻ.

3. Các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong phạm vi ảnh hưởng đến khu di tích, công trình công cộng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 22/5/2015.

Điều 14. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án sử dụng vốn nhà nước trên 50% tổng mức đầu tư thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư. Đối với dự án khác, việc giám sát, đánh giá đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát, đánh giá

đầu tư và trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

5. Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg.

Mục 3

KẾT THÚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 15. Thẩm quyền thẩm định quyết toán đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách

1. Sở Tài chính thẩm định quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán. Đối với dự án do thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này phê duyệt thì Giám đốc Sở Tài chính là người phê duyệt quyết toán.

Điều 17. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quyết toán đối với dự án sử dụng vốn khác

Chủ đầu tư sử dụng bộ phận chuyên môn của mình hoặc thuê tư vấn để thẩm tra quyết toán; chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt quyết toán.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã được thẩm định, thiết kế cơ sở đã được tham gia ý kiến, thiết kế, dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm tra trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định, thẩm tra lại; việc phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định này.

2. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng.

Thiết kế, dự toán đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này; định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

3. Các sở có Ban QLDA chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng phương án kiện toàn bộ máy của Ban QLDA, đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 54 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

4. UBND cấp huyện có trách nhiệm kiện toàn bộ máy của các Phòng QLXD, Phòng QLCN, Ban QLDA đảm bảo đáp ứng yêu cầu về QLDA ĐTXD; định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn.

5. UBND cấp xã căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại quy định này kiện toàn bộ máy QLDA ĐTXD ở cấp xã để tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo UBND cấp huyện kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn.

Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh trực tiếp với Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh